TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-ST.
Ngày 20-7-2023.
V/v "Tranh chấp đòi tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Liêu Trinh Húy.

Ông Nguyễn Thanh Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tại – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2023/TLST–DS, ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp đòi tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-DS ngày 23/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thu D, sinh ngày 01/01/1980; Địa chỉ: ấp A1, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trương Tú A, sinh năm 1997; Địa chỉ liên hệ: Ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng, là đại diện theo văn bản ủy quyền 22/3/2023 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn N, sinh ngày 01/01/1969 (vắng mặt).

Bà Lê Thị T (Lê Thị Ta), sinh ngày 01/01/1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A3, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2023, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà Trương Tú A là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hồ Thu D trình bày: Vào năm 2015, bà D có bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng ông Trần Văn N và bà Lê Thị T, việc mua bán không có lập hợp đồng mà chỉ có bà D

ghi sổ theo dõi mua bán. Đến cuối năm 2017, khi các bên chốt nợ thì vợ chồng ông N, bà T còn nợ lại bà D số tiền 27.775.000 đồng và hứa vài ngày sau trả đủ cho bà D nhưng đến nay không thực hiện, bà D đã nhiều lần liên hệ vợ chồng ông N và bà T để yêu cầu thanh toán nợ không thành. Bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn N và bà Lê Thị T trả số tiền nợ là 27.775.000 đồng và lãi chậm trả từ ngày 04/12/2017 đến nay ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn xác định bà D giữ nguyên yêu cầu các bị đơn trả tiền vốn 27.775.000 đồng và yêu cầu lãi do chậm trả tính từ ngày 21/01/2023 theo lãi suất 0,83%/tháng.

- Các bị đơn ông Trần Văn N và bà Lê Thị T vắng mặt, quá trình giải quyết có ý kiến trình bày như sau: Trước đây vợ chồng ông bà có mua nợ thức ăn chăn nuôi heo của bà D, đến ngày 04/12/2017 hai bên tính tiền thanh toán thì ông bà còn nợ lại bà D là 27.775.000 đồng. Đối với yêu cầu của bà D, ông bà đồng ý trả tiền nợ là 27.775.000 đồng, tiền lãi thì không đồng ý do khi chốt nợ có thỏa thuận khi nào ông, bà thu được tiền khách hàng mới trả lại cho bà D và không có thỏa thuận ông bà phải chịu lãi. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần số nợ cho bà D.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật. Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của bà D đối với số tiền nợ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, đối với lãi suất chậm trả thì yêu cầu xem xét từ ngày 21/01/2023 đến ngày xét xử theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Yêu cầu khởi kiện của bà D là tranh chấp dân sự về đòi tài sản quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, các bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt đương sự trên đảm bảo quyền lợi cho đương sự còn lại.

[2] Bà Hồ Thu D có mua bán thức ăn chăn nuôi heo với vợ chồng ông Trần Văn N và bà Lê Thị T từ năm 2015 đến năm 2017, đến ngày 04/12/2017 khi chốt nợ thì ông N và bà T còn nợ lại số tiền là 27.775.000 đồng. Tại phiên bản lời khai ngày 14/6/2023 (bl 23-24) các bị đơn thừa nhận nợ và đồng ý trả. Căn cứ khoản 2

Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định lời thừa nhận của các bị đơn là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông N và bà T có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 27.775.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu trả lãi: Tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự quy định "*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên chậm trả đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả*", qua lời khai ngày 14/6/2023 các bị đơn thừa nhận bà D có yêu cầu trả tiền nợ nhưng ông bà không thực hiện đã vi phạm nghĩa vụ do chậm trả tiền từ ngày 21/01/2023. Vì vậy, yêu cầu của đại diện nguyên đơn buộc các bị đơn phải trả lãi do chậm thanh toán từ ngày 21/01/2023 là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc các bị đơn phải chịu lãi do chậm thanh toán là 1.383.195 đồng (21/01/2023 – 20/7/2023 là 06 tháng x 0,83%/tháng x 27.775.000 đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ chịu án phí.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 280, Điều 357 Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D, buộc ông Trần Văn N và bà Lê Thị T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ cho bà Hồ Thị D số tiền là 29.158.000 đồng (hai mươi chín triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng), gồm vốn 27.775.000 đồng và lãi 1.383.195 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn N và bà Lê Thị T cùng có nghĩa vụ nộp án phí tổng cộng là 1.457.909 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm lẽ chín đồng). Hoàn trả cho bà Hồ Thị D tiền tạm ứng đã nộp 1.057.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đòng) theo biên lai thu số

0008112 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi Cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai